**TRƯỜNG THCS PHAN BỘI CHÂU**

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I- MÔN KHTN LỚP 6**

**A. KHUNG MA TRẬN VÀ ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮAKÌ I MÔN KHTN LỚP 6**

**- Thời điểm kiểm tra:** Kiểm tra giữa kì 1 khi kết thúc nội dung: Từ tuần 1 đến hết tuần 8

**- Thời gian làm bài:** 60 phút.

**- Hình thức kiểm tra:** Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 40% trắc nghiệm, 60% tự luận).

**- Cấu trúc:**

+ Mức độ đề:40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 30% Vận dụng.

+ Phần trắc nghiệm: 4,0 điểm (gồm 16 câu hỏi: nhận biết: 8 câu, thông hiểu: 6 câu, vận dụng: 2 câu), mỗi câu 0,25 điểm;

+ Phần tự luận: 6,0 điểm (Nhận biết: 2,0 điểm; Thông hiểu: 1,5 điểm; Vận dụng: 2,5 điểm).

| **Chủ đề** | **MỨC ĐỘ** | | | | | | | | | **Tổng số câu** | | | **Điểm số** | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | | |
| **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | | **Trắc nghiệm** |  | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | | 11 | 12 | |
| **Bài 1: 0.6**  Giới thiệu về Khoa học tự nhiên (2t) |  | 1 |  | 2 |  |  |  |  |  | | 3 | 0.75 | |
| **Bài 2: 0.6**  An toàn trong phòng thực hành (2t) |  | 1 |  | 1 |  |  |  |  |  | | 2 | 0.5 | |
| **Bài 3:0.3**  Sử dụng kính lúp (1t) |  | 1 |  |  |  |  |  |  |  | | 1 | 0.25 | |
| **Bài 4: 0.6**  Sử dụng kính hiển vi quang học (2t) |  | 1 |  | 2 |  |  |  |  |  | | 3 | 0.75 | |
| **Bài 5: 0.9**  Đo chiều dài (3t) |  | 1 |  |  |  | 1 |  |  |  | | 2 | 0.5 | |
| **Bài 6: 0.6**  Đo khối lượng (2t) |  | 1 |  |  |  |  |  |  |  | | 1 | 0.25 | |
| **Bài 7: 0.6**  Đo thời gian (2t) | 1  1đ |  |  |  |  |  |  |  | 1 | |  | 1 | |
| **Bài 8: 0.9**  Đo nhiệt độ (3t) |  |  |  |  | 1  1.25đ |  |  |  | 1 | |  | 1.25 | |
| **Bài 9: 0.6**  Sự đa dạng của chất (2t) |  |  |  | 1 |  |  |  |  |  | | 1 | 0.25 | |
| **Bài 10: 0.6**  Sự chuyển thể và tính chất của chất (2t) |  | 1 |  |  |  | 1 |  |  |  | | 2 | 0.5 | |
| **Bài 11: 0.9**  Oxygen và Không khí (3t) |  |  |  |  | 1  1.25đ |  |  |  | 1 | |  | 1.25 | |
| **Bài 12: 0.6**  Một số vật liệu (2t) |  |  | ½  0.75đ |  |  |  |  |  | 1/2 | |  | 0.75 | |
| **Bài 13: 0.6**  Một số nguyên liệu (2t) |  |  | ½  0.75đ |  |  |  |  |  | 1/2 | |  | 0.75 | |
| **Bài 14: 0.6**  Một số nhiên liệu (2t) | 1  1đ |  |  |  |  |  |  |  | 1 | |  | 1 | |
| **Bài 15: 0.6**  Một số lương thực, thực phẩm (2t) |  | 1 |  |  |  |  |  |  |  | | 1 | 0.25 | |
| **Số câu** | **2** | **8** | **1** | **6** | **2** | **2** |  |  | 5 | | 16 |  | |
|  | **2,0** | **2** | **1.5** | **1.5** | **2.5** | **0.5** |  |  |  | |  |  | |
| **Tổng số điểm** | **4,0 điểm** | | **3,0điểm** | | **3,0điểm** | | **1,0 điểm** | | | 21 | | | **10 điểm** | |

**B. BẢNG ĐẶC TẢ**

| **Nội dung** | **Mức độ** | **Yêu cầu cần đạt** | **Số câu hỏi** | | **Câu hỏi** | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TL  (Số ý) | TN  ( Số câu) | TL  (Số ý) | TN  ( Số câu) |
| **1. Mở đầu về Khoa Học Tự Nhiên** | | | | | | |
| **Bài 1:**  Giới thiệu về khoa học tự nhiên (2 tiết) | **Nhận biết** | – Nêu được khái niệm Khoa học tự nhiên.  – Trình bày được vai trò của Khoa học tự nhiên trong cuộc sống. |  | 1 |  | C1 |
| **Thông hiểu** | – Phân biệt được các lĩnh vực Khoa học tự nhiên dựa vào đối tượng nghiên cứu.  – Dựa vào các đặc điểm đặc trưng, phân biệt được vật sống và vật không sống. |  | 2 |  | C2  C3 |
| **Bài 2:**  An toàn trong phòng thực hành *(2 tiết)* | **Nhận biết** | Biết được một số quy tắc an toàn trong phòng thực hành |  | 1 |  | C4 |
| **Thông hiểu** | - Phân biệt được các kí hiệu cảnh báo trong phòng thực hành.  - Phân biệt được các hình ảnh quy tắc an toàn trong phòng thực hành. |  | 1 |  | C5 |
| **Vận dụng** | Xử lý được một số tình huống thực tế trong PTN |  |  |  |  |
| **Bài 3:**  Sử dụng kính lúp (1 tiết) | **Nhận biết** | – Biết cách sử dụng và bảo quản kính lúp |  | 1 |  | C7 |
| **Bài 4:**  Sử dụng kính hiển vi quang học (2 tiết) | **Nhận biết** | - Cấu tạo của kính hiển vi quang học |  | 1 |  | C9 |
| **Thông hiểu** | - Biết cách sử dụng và bảo quản kính hiển vi quang học. |  | 2 |  | C8  C6 |
| **Bài 5:**  Đo chiều dài (3 tiết) | **Nhận biết** | - Nêu được cách đo, đơn vị đo và dụng cụ thường dùng để đo chiều dài của một vật.  - Nêu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được chiều dài trong một số trường hợp đơn giản.  - Trình bày được được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được chiều dài trong một số trường hợp đơn giản. |  | 1 |  | C10 |
| **Thông hiểu** | - Hiểuđược GHĐ và ĐCNN ghi trên thước. |  |  |  |  |
| **Vận dụng** | Xác định được giới hạn đo (GHĐ) và độ chia nhỏ nhất (ĐCNN) của thước.  - Xác định được chiều dài của một vật.  - Đo được thể tích của một vật không thấm nước bằng bình chia độ  - Xác định được các loại dụng cụ đo thể tích thường gặp trong cuộc sống. |  | 1 |  | C12 |
| **Vận dụng cao** | - Thiết kế được phương án đo đường kính của ống trụ (ống nước, vòi máy nước), đường kính các trục hay các viên bi,.. |  |  |  |  |
| **Bài 6:**  Đo khối lượng (2 tiết) | **Nhận biết** | Nêu được cách đo, đơn vị đo và dụng cụ thường dùng để đo khối lượng của một vật.  - Nêu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được khối lượng trong một số trường hợp đơn giản. |  | 1 |  | C11 |
| **Thông hiểu** | - Lấy được ví dụ chứng tỏ giác quan của chúng ta có thể cảm nhận sai một số hiện tượng.  - Hiểu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được khối lượng trong một số trường hợp đơn giản. |  |  |  |  |
| **Vận dụng** | - Xác định được giới hạn đo (GHĐ) và độ chia nhỏ nhất (ĐCNN) của cân.  - Vận dụng cuộc sống hàng ngày: ca đong, chai lọ, bơm tiêm là những dụng cụ đo thể tích |  |  |  |  |
| **Bài 7:**  Đo thời gian (2 tiết) | **Nhận biết** | - Nêu được cách đo, đơn vị đo và dụng cụ thường dùng để đo thời gian.  - Nêu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được thời gian trong một số trường hợp đơn giản. | 1 |  | C20 |  |
| **Thông hiểu** | - Hiểu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được thời gian trong một số trường hợp đơn giản. |  |  |  |  |
| **Vận dụng** | - Dùng đồng hồ để chỉ ra một số thao tác sai khi đo thời gian và nêu được cách khắc phục một số thao tác sai đó.  - Đo được thời gian bằng đồng hồ (thực hiện đúng thao tác, không yêu cầu tìm sai số). |  |  |  |  |
| **Bài 8:**  Đo nhiệt độ (3 tiết) | **Nhận biết** | - Nhận biết được dụng cụ đo nhiệt độ |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** | - Nêu được cách đo, đơn vị đo và dụng cụ thường dùng để đo nhiệt độ.  - Nêu được cách xác định nhiệt độ trong thang nhiệt độ Celsius.  - Nêu được sự nở vì nhiệt của chất lỏng được dùng làm cơ sở để đo nhiệt độ.  - Sử dụng được một số loại dụng cụ đo nhiệt độ. | 1 |  | C17 |  |
| **Vận dụng** | - Dùng nhiệt kế để chỉ ra một số thao tác sai khi đo nhiệt độ và nêu được cách khắc phục một số thao tác sai đó.  - Hiểu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo nhiệt độ; ước lượng được nhiệt độ trong một số trường hợp đơn giản. |  |  |  |  |
| **2. Chất quanh ta (7 tiết)** | | | | | |  |
| **Bài 9:**  Sự đa dạng của chất (2 tiết) | **Nhận biết** | - Biết được chất có sự đa dạng |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** | - Phân biệt chất và vật thể  - Phân biệt được tính chất của chất |  | 1 |  | C14 |
| **Vận dụng** | - Giải thích được tính chất của chất thuộc loại tính chất gì |  |  |  |  |
| **Bài 10:**  Các thể của chất và sự chuyển thể (2 tiết) | **Nhận biết** | - Chất có thể tồn tại ở nhiều thể và có thể chuyển đổi giữa các thể |  | 1 |  | C13 |
| **Thông hiểu** | - Phân biệt được sự chuyển thể của chất |  |  |  |  |
| **Vận dụng** | - Giải thích được hiện tượng chuyển thể của chất |  | 1 |  | C15 |
| **Bài 11:**  Oxygen. Không khí (3 tiết) | **Nhận biết** | - Biết được oxigen có ở đâu  - Tính chất vật lí của oxigen và tầm quan trọng của oxigen  - Thành phần của không khí  - Biện pháp bảo vệ không khí tránh ô nhiễm |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** | - Hiểu được vai trò của oxigen  - Những biện pháp bảo vệ không khí |  |  |  |  |
| **Vận dụng** | - Giải thích được một số hiện tượng liên quan đến oxigen và không khí | 1 |  | C18 |  |
| **3. Một số vật liệu, nguyên liệu, nhiên liệu, lương thực – Thực phẩm thông dụng (4 tiết)** | | | | | | |
| **Bài 12:**  Một số vật liệu (2 tiết) | **Nhận biết** | Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số vật liệu. |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** | Đề xuất được phương án tìm hiểu tính chất của một số vật liệu. | 1 |  | C19A |  |
| **Vận dụng** | Nêu được cách sử dụng vật liệu tiết kiệm, an toàn, hiệu quả. |  |  |  |  |
| **Bài 13:**  Một số nguyên liệu (2 tiết) | **Nhận biết** | Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số nguyên liệu thông dụng trong cuộc sống và sản xuất. |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** | Đề xuất được phương án tìm hiểu, thu thập được dữ liệu, thảo luận, so sánh để rút ra tính chất của một số nguyên liệu. | 1 |  | C19B |  |
| **Vận dụng** | Cách sử dụng nguyên liệu hiệu quả và bảo đảm sự phát triển bền vững. |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** | - Kể tên được đơn vị lực: niutơn (N).  - Mô tả được cấu tạo của lực kế lò xo và sử dụng được lực kế này để đo độ lớn của một số lực đơn giản |  |  |  |  |
| **Vận dụng** | - Biểu diễn được lực bằng một mũi tên theo hướng của lực và mô tả được các đặc trưng của một lực dựa trên mũi tên biểu diễn lực này |  |  |  |  |
| **Bài 14:**  Một số nhiên liệu (2 tiết) | **Nhận biết** | - Nêu khái niệm nhiên liệu, các nhiên liệu thường gặp, các thể của nhiên liệu  - Tính chất và ứng dụng của nhiên liệu | 1 |  | C21 |  |
| **Thông hiểu** | - Cách sử dụng nhiên liệu an toàn, hiệu quả, đảm bảo sự phát triển bền vững |  |  |  |  |
| **Vận dụng** | - Đề xuất phương án tìm hiểu, thu thập dữ liệu, thảo luận so sánh để rút ra tính chất của một số nhiên liệu |  |  |  |  |
| **Bài 15:**  Một số lương thực, thực phẩ m (2 tiết) | **Nhận biết** | Trình bày được tính chất và ứng dụng của lương thực, thực phẩm. |  | 1 |  | C16 |
| **Thông hiểu** | Trình bày được các nhóm chất dinh dưỡng trong lương thực, thực phẩm: nguồn gốc (có ở đâu), tính chất (sự biến đổi), vai trò của từng nhóm chất. |  |  |  |  |
| **Vận dụng** | - Đề xuất được cách bảo quản các loại lương thực, thực phẩm.  - Thực hiện được xây dựng khẩu phần cho một bữa ăn gia đình. |  |  |  |  |

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ GIỮA KÌ I – KHTN6**

**NĂM HỌC 2024-2025**

**I. TRẮC NGHIỆM: (4 điểm) Mỗi câu đúng 0,25đ**

| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** | **16** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Đáp án** | **C** | **A** | **C** | **C** | **D** | **A** | **A** | **A** | **A** | **D** | **D** | **B** | **C** | **C** | **C** | **A** |

**II. TỰ LUẬN : (6 điểm )**

| **Câu** | **Đáp án** | **Điểm** |
| --- | --- | --- |
| Câu: 17  (1.25đ) | - Nhiệt độ thấp nhất vào lúc 7 giờ  - Nhiệt độ cao nhất vào lúc 12 giờ  - Nhiệt độ trung bình trong ngày là 24,4 độ | 0.5đ  0.5đ  0.75đ |
| Câu: 18  (1.25đ) | a. Khi nuôi cá cảnh phải thường xuyên sục khí vào bể cá vì khí O2 ít tan trong nước nên ta phải thường xuyên sục không khí vào bể cá để tăng cường lượng O2 hoà tan trong nước, đủ O2 cho cá thở.  b. Các nguyên nhân gây ô nhiễm không khí: Khí thải và khói bụi từ các phương tiện giao thông từ các nhà máy, xí nghiệp, cháy rừng… | 0.75đ  0.5đ |
| Câu: 19  (1.5đ) | a. Người ta dùng vật liệu kim loại để làm nồi xoong vì khim loại dẫn nhiệt tốt làm cho thức ăn mau chín. Tuy nhiên phần tay cầm lại bàng nhựa hoặc gỗ vì đây là vật liệu cách nhiệt để ta cầm không bị nóng, bỏng.  b. Nguyên liệu chế biến đường, gạch, xăng là cây mía, đất sét, dầu mỏ | 1đ  Đúng  2 ý 0.25đ,  3 ý 0.5đ |
| Câu: 20  (1đ) | - Đơn vị đo thời gian: giây, phút, giờ..  - Dụng cụ đo thời gian: đồng hồ đeo tay, đồng hồ quả lắc.. | 0.5đ  0.5đ |
| Câu: 21  (1đ) | - Nhiên liệu là những chất cháy được và toả nhiều nhiệt  - Nhiên liệu tồn tại ở thể rắn, lỏng, khí | 0.5đ  0.5đ |